

CHỈ SỐ CHÍNH

| | Mới nhất | Tăng / Giảm | | Khối lượng | | | Số lượng cổ phiếu | | | P/E |
|--------------------------|----------|-------------|-------|------------|--------|------|-------------------|------|------|-------|
| | | điểm | % | KL | % | GDTT | Tăng | Giảm | Đứng | |
| Vnindex | 409.4 | -5.1 | -1.2% | 22.4 | 4.4% | 4.4 | 67 | 165 | 70 | 9.0x |
| HnxIndex | 67.7 | -0.7 | -1.0% | 23.9 | -13.5% | 3.4 | 45 | 208 | 53 | 6.5x |
| 20 CP vốn hóa lớn nhất | 449.2 | -6.8 | -1.5% | 4.2 | -3.9% | 0.6 | 2 | 17 | 1 | 11.3x |
| 30 CP vốn hóa trung bình | 179.8 | -2.6 | -1.4% | 7.5 | -28.9% | 0.3 | 2 | 19 | 4 | 6.8x |
| 40 CP vốn hóa nhỏ | 304.9 | -4.4 | -1.4% | 8.5 | -15.8% | 1.0 | 5 | 17 | 3 | 5.7x |
| Chỉ số ngành | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 262.8 | 1.0 | 0.4% | 2.5 | 13.2% | 0.3 | 3 | 3 | 2 | 8.7x |
| Bất động sản (trừ VIC) | 217.1 | -3.1 | -1.4% | 6.6 | -16.9% | 0.2 | 8 | 38 | 9 | 6.4x |
| Thực phẩm (trừ MSN) | 498.1 | -0.6 | -0.1% | 1.3 | 38.4% | 0.1 | 11 | 10 | 4 | 6.1x |

(Nguồn: www.cophieu68.com)

(KL: triệu CP)

THẾ GIỚI

| | Chỉ số | Tăng / Giảm | |
|----------------------------|--------|-------------|-------|
| | | điểm | % |
| Mỹ: Dow Jones (24/10/2011) | 11,914 | 104.8 | 0.9% |
| Mỹ: S&P 500 (24/10/2011) | 1,254 | 15.9 | 1.3% |
| Anh: FTSE 100 (24/10/2011) | 5,548 | 59.5 | 1.1% |
| Nhật: Nikkei 225 | 8,762 | -81.7 | -0.9% |
| Hồng Kong: Hang Seng | 18,968 | 196.4 | 1.1% |

GIÁ HÀNG HÓA

| | Giá | Tăng / Giảm | |
|------------------------------|---------|-------------|-------|
| | | điểm | % |
| Vàng trong nước (trđ/lượng) | 44.1 | -0.1 | -0.1% |
| Vàng thế giới (USD/ounce) | 1,662.8 | 10.5 | 0.6% |
| Giá dầu thế giới (USD/thùng) | 93.0 | 1.7 | 1.9% |

KINH TẾ VĨ MÔ

| | Tháng 8 | Tháng 9 | Lũy kế |
|--------------------------------|---------|---------|--------|
| | | | |
| Tăng trưởng GDP | | 5.76% | |
| Lạm phát so hàng tháng | 0.93% | 0.82% | 18.2% |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm) | 23.02% | 22.42% | |
| Sản lượng Công nghiệp (%) | 5.80% | 12.00% | |
| Lãi suất OMO | 14.00% | 14.00% | |
| Xuất khẩu (triệu \$) | 9,247 | 8,300 | 70,000 |
| Nhập khẩu (triệu \$) | 9,643 | 9,300 | 76,900 |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | - 396 | - 1,000 | -6,900 |
| FDI cam kết (triệu \$) | 522 | 336 | 9,903 |
| FDI giải ngân (triệu \$) | 1,000 | 900 | 8,200 |

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

| | Chỉ số | Thay đổi | % |
|---------------------------------------|--------|----------|------|
| | | | |
| Bơm ròng qua OMO (tỷ VND) | -1,366 | -1,159 | |
| Lãi suất cho vay VND/năm (min-max) | 16.0% | 19.0% | |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 1 năm | 12.48 | 0.17 | 1.4% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 3 năm | 12.43 | 0.17 | 1.4% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 5 năm | 12.48 | 0.07 | 0.6% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 10 năm | 12.67 | 0.12 | 0.9% |

Tỷ giá

| | Tỷ giá | | |
|-----------------|---------|--------|----------|
| | Mua vào | Bán ra | Thay đổi |
| VND/USD | 20,930 | 20,955 | 0/0 |
| VND/USD (tự do) | 21,750 | 21,800 | 50/0 |

(Nguồn: Vietinbank)

CÁC TIN TỨC VĨ MÔ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Trong nước

- Theo số liệu công bố của Cục Đầu tư nước ngoài, trong số 1,37 tỷ USD đăng ký vào Việt Nam trong tháng 10, số đăng ký tăng thêm là 732 triệu USD, tăng rất mạnh so với 41 triệu USD của tháng 9/2011.
- Ngày 25/10, tỷ giá bình quân liên ngân hàng ở mức 20.748 đồng/USD ngày thứ 4 liên tiếp, sau khi tăng tới 120 đồng/USD so với đầu tháng 10.
- Theo số liệu vừa được Tổng cục Thống kê công bố, kim ngạch xuất khẩu tháng 10/2011 ước tính có thể đạt khoảng 8,3 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước, trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 9,1 tỷ USD và giảm gần 3,7% so với tháng 9.

Quốc tế

- Theo Markit Economics, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) tổng hợp tạm tính trong tháng 10 của eurozone giảm xuống 47,2 điểm, thấp nhất kể từ tháng 7/2009.
- Tổng nợ của các bang tại Mỹ, bao gồm cả nợ lương hưu, có thể vượt 4.000 tỷ USD, với bang California nợ nhiều nhất và bang Vermont nợ ít nhất.
- Cơ quan quản lý ngoại hối Trung Quốc cho biết sẽ bắt đầu một chương trình thử nghiệm đơn giản hóa các thủ tục chuyển đổi ngoại tệ giữa các ngân hàng và công ty trong hoạt động kinh doanh hàng hóa.

GAO DỊCH TRONG NGÀY

Diễn biến trên 2 sàn

- HSX may mắn được các trụ đỡ nên duy trì được sắc xanh trong thời gian đầu phiên. Tuy nhiên khi MSN, BVH bất ngờ giảm mạnh về cuối phiên cũng là lúc thị trường chìm trong màu đỏ. Hầu hết nhóm cổ phiếu blue-chips giảm điểm. VN-Index mất 5,08 điểm xuống còn 409,38 điểm. HNX cũng chịu chung số phận, chột phiên tiếp tục mất đi 0,71 điểm xuống còn 67,72 điểm.
- Cổ phiếu ngành đường tăng bất chấp thị trường nhờ KQKD tốt. SBT tăng 500 đồng; NHS tăng 400; BHS tăng 200 đồng; SEC tăng 400 đồng và LSS tăng 400 đồng. Ngược xu hướng thị trường, BMC và LCM vẫn tăng trần đến cuối phiên. SJS vừa có công văn giải trình thông tin pháp lý về dự án Nam An Khánh sau khi Thanh tra Chính phủ đề nghị tạm dừng dự án này, vẫn giảm sàn.

Giao dịch khối ngoại

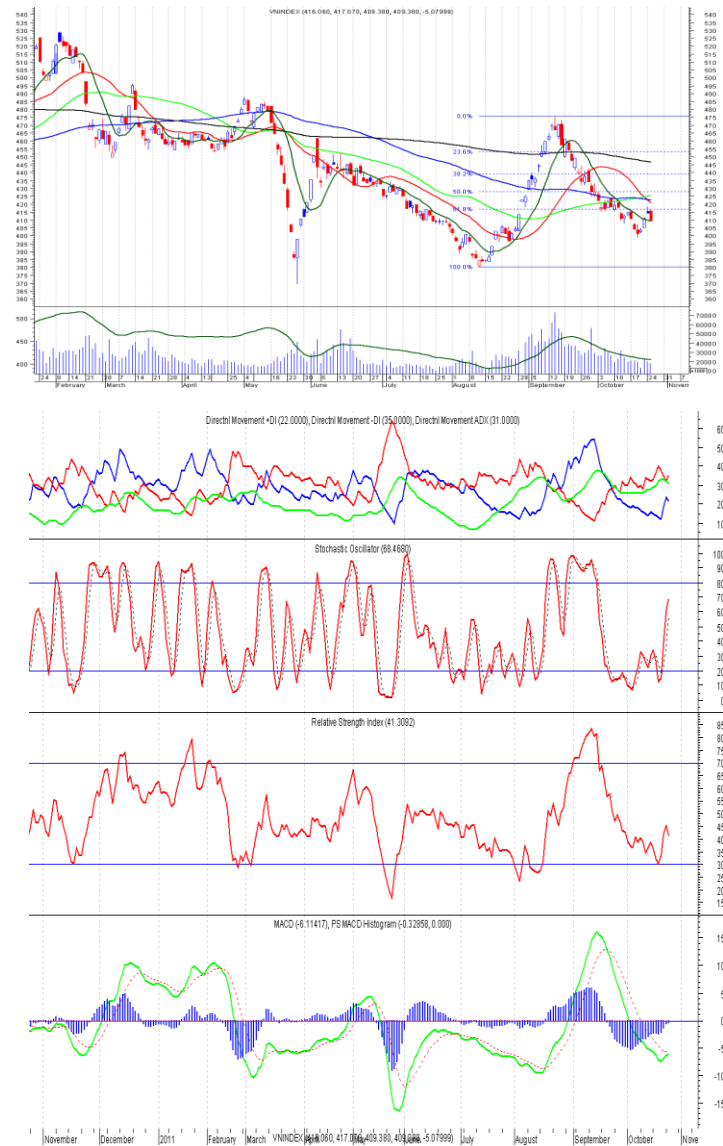
- Trên HSX, khối ngoại mua vào hơn 80 tỷ đồng và bán ra 78,5 tỷ đồng, tăng lần lượt 20 tỷ và 17 tỷ đồng so với phiên trước. Khối ngoại quay lại mua ròng 1,7 tỷ đồng sau 2 phiên bán ròng liên tiếp. DHG tiếp tục dẫn đầu danh sách bán ròng với gần 6 tỷ đồng, chủ yếu là giao dịch thỏa thuận. Ngược lại, SJS tiếp tục được mua ròng nhiều nhất hơn 4 tỷ đồng.
- Trên HNX, khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với giá trị hơn 5,6 tỷ đồng. Phiên trước, giá trị bán ròng bất ngờ lên cao nhất trong gần 6 tháng, đạt hơn 11 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu dầu khí PVG và PGS được mua ròng nhiều nhất lần lượt là 1,67 tỷ và 2,33 tỷ đồng. Trong khi đó, không cổ phiếu nào bị bán ròng hơn 800 triệu đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HSX

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giảm điểm khiến VN-Index giảm điểm mạnh. Thanh khoản tiếp tục sụt giảm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Vùng 400 điểm đang là vùng hỗ trợ mạnh của VN-Index.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục quan sát thị trường chờ xác nhận về khối lượng. Chỉ nên gia tăng vị thế nắm giữ cổ phiếu khi VN-Index tăng điểm (không bao gồm nhóm vốn hóa lớn) với khối lượng tăng trên 30 triệu cổ phiếu.

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

| | |
|-----------|------|
| Ngắn hạn | Tăng |
| Trung hạn | Giảm |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1 | 428 |
| Kháng cự 2 | 440 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 400 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 380 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|----------|------|
| RSI (14) | Giảm |
| STO (14) | Tăng |
| MFI (14) | Giảm |
| KLGD | Giảm |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HOSE

- MKP** Từ ngày 26/10/2011 - 20/11/2011, bà Trần Thị Yến - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần hóa – dược phẩm Mekophar (**MKP**) đăng ký mua 11.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 14.025 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ, nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân.
- PTB** Từ ngày 21/9/2011 - 20/10/2011, bà Văn Thị Vinh, vợ ông Trần Thanh Cung - thành viên Hội đồng Quản trị; Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phú Tài (**PTB**) đã mua 50.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 76.552 cổ phiếu, nhằm đầu tư thêm vào cổ phiếu PTB.
- TDC** Từ ngày 25/8/2011 - 25/10/2011, ông Huỳnh Văn Thu, cha bà Huỳnh Thị Phương Thảo - thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh và phát triển Bình Dương (**TDC**) đăng ký mua 56.900 cổ phiếu, đã mua 26.900 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu nắm giữ lên 340.000 cổ phiếu, nhằm tăng khối lượng nắm giữ.
- HQC** Công ty Cổ phần Tư vấn –Thương mại –Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (**HQC**) công bố làm chủ đầu tư Khu Phi thuế quan Trà Vinh, tổng vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng tại huyện Trà Cú và huyện Duyên hải tỉnh Trà Vinh. Dự án thuộc khu kinh tế Định An được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng đến năm 2030 với tổng diện tích 39.020ha.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HNX

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thanh khoản tiếp tục sụt giảm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Các cổ phiếu mang tính đại diện của sàn Hà nội đang thoái lui về vùng hỗ trợ mạnh. Khu vực 66-67 đang là vùng hỗ trợ mạnh của HNX-Index.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục quan sát thị trường chờ xác nhận về khối lượng. Chỉ nên gia tăng vị thế nắm giữ cổ phiếu khi HNX-Index tăng điểm với khối lượng tăng trên 30 triệu cổ phiếu. Điểm cắt lỗ sẽ nằm tại khu vực khi HNX-Index phá vỡ vùng 66 - 67 với khối lượng lớn.



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

| | |
|-----------|------|
| Ngắn hạn | Tăng |
| Trung hạn | Giảm |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

| | |
|---------------|----|
| Kháng cự 1 | 70 |
| Kháng cự 2 | 73 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 66 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 62 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

| | |
|----------|------|
| RSI (14) | Giảm |
| STO (14) | Tăng |
| MFI (14) | Giảm |
| KLGD | Giảm |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HNX

- PVX** Từ ngày 25/10/2011 - 23/12/2011, ông Vũ Hữu Nghị - thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (**PVX**) đăng ký bán 15.600 cổ phiếu, nhằm giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân.
- ORS** Từ ngày 25/10/2011 - 18/11/2011, ông Thái Trần Đại Tài, con bà Trần Thị Kim Ánh - thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (**ORS**) đăng ký bán 10.000 cổ phiếu, nhằm giảm tỷ lệ nắm giữ.
- SRB** Từ ngày 26/10/2011 - 25/11/2011, ông Trần Khắc Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara (**SRB**) đăng ký mua 500.000 cổ phiếu, nhằm tăng tỷ lệ nắm giữ.
- PSG** Từ ngày 19/ 8/2011 - 18/10/2011, ông Trần Đạo Đức - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (**PSG**) đăng ký mua 20.000 cổ phiếu, đã mua 3.000 cổ phiếu. Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký là do thị giá chưa đáp ứng được kỳ vọng, số cổ phiếu hiện đang nắm giữ là 13.000 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

HSX

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|-------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| HMC | 4.95% | 32.6 | VKP | -6.67% | 3.0 |
| VLF | 4.92% | 0.5 | BAS | -5.56% | 1.9 |
| RAL | 4.88% | 145.2 | KSH | -5.00% | 30.5 |
| SFC | 4.83% | 5.3 | SRF | -4.98% | 9.0 |
| LCM | 4.80% | 525.4 | CSM | -4.96% | 118.5 |

(Đơn vị: nghìn CP)

HNX

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất | | | 5CP GIẢM giá nhiều nhất | | |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | KL |
| CVN | 13.60% | 20 | MCL | -7.50% | 6.2 |
| QHD | 12.99% | 0.3 | VGP | -6.99% | 4.8 |
| DZM | 7.14% | 115.5 | BLF | -6.98% | 16.2 |
| MEC | 7.14% | 0.1 | HGM | -6.86% | 0.1 |
| SDG | 6.96% | 3.3 | SVN | -6.83% | 20.1 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| IJC | -1.96% | 1,399.8 | FPT | -1.24% | 11.6 |
| PTC | -4.85% | 543.4 | LCM | 4.80% | 3.2 |
| REE | -0.88% | 505.1 | IJC | -1.96% | 14.0 |
| EIB | 1.39% | 290.5 | DPM | -0.31% | 5.5 |
| SAM | 0.00% | 129.0 | SJS | -4.84% | 11.7 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất | | | 5CP có GTGD nhiều nhất | | |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK | Thay đổi | KL | Mã CK | Thay đổi | GT |
| KLS | -2.91% | 2,233.4 | KLS | -2.91% | 22.6 |
| VND | -1.92% | 1,398.9 | HBS | 0.00% | 8.9 |
| HBS | 0.00% | 613.9 | VND | -1.92% | 14.4 |
| ORS | 6.25% | 1,036.4 | GBS | -0.69% | 2.5 |
| VSP | 2.50% | 1,006.0 | ACB | 0.00% | 10.2 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|------|----------|-------|--------------------------|------|----------|-------|
| Mã CK | Giá | Thay đổi | KL | Mã CK | Giá | Thay đổi | KL |
| SJS | 23.6 | -4.8% | 177.5 | VHC | 32.7 | 3.8% | 155.5 |
| REE | 11.3 | -0.9% | 147.9 | SSI | 17.4 | -1.1% | 133.7 |
| VCB | 26.3 | -0.8% | 134.2 | VFG | 33.5 | -4.3% | 124.2 |
| PAC | 28.8 | -0.4% | 105.0 | DPM | 32.0 | -0.3% | 113.8 |
| DIG | 16.0 | 0.0% | 95.5 | CSM | 11.5 | -5.0% | 98.0 |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất | | | | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất | | | |
|--------------------------|------|----------|-------|--------------------------|------|----------|------|
| Mã CK | Giá | Thay đổi | KL | Mã CK | Giá | Thay đổi | KL |
| PVG | 12.7 | -1.6% | 131.1 | PVI | 16.5 | -2.4% | 43.0 |
| PGS | 23.5 | 0.0% | 99.4 | VNR | 11.6 | -6.5% | 35.6 |
| AVS | 4.4 | 0.0% | 58.4 | BVS | 14.0 | -4.1% | 10.0 |
| PVE | 11.6 | 1.8% | 50.0 | ICG | 12.8 | -3.0% | 5.0 |
| VCG | 11.9 | -3.3% | 44.6 | HOM | 4.9 | -3.9% | 2.0 |

(Đơn vị: nghìn CP)

Khuyến cáo

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo này được VietinBankSc xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo này mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Liên hệ

Trụ sở chính

306 Bà Triệu
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84.4) 6278 0012

P. Giao dịch Thái Thịnh

Số 196 Thái Thịnh
Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84.4) 3519 0142

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

49 Tôn Thất Đạm
Q. 1, TP. HCM
Tel: (84.8) 3820 9987

P. Giao dịch Phan Đăng Lưu

Tầng M, 24A Phan Đăng Lưu, P.6
Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: (84.8) 3551 5606